

Bản án số: **1846/2026/DS-ST**
Ngày: 11 – 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Anh Ngọc

2/ Ông Phạm Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1839/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1954; Địa chỉ thường trú và địa chỉ cư trú: Số E đường P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1972; Địa chỉ: 1 đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Trước đây bà có quen biết với ông Lê Hoàng V, ông V là nhân viên giao hàng cho công ty bánh ly mà bà có đặt mua hàng. Do ông V cần tiền nên mượn bà số tiền 68.000.000 đồng và ông V ghi giấy cam kết trả nợ ngày 19/02/2013. Theo nội dung Giấy cam kết thì ông V cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà 1.000.000 đồng và trong vòng 02 năm sẽ trả hết số tiền 68.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông V chỉ trả cho bà được 4.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 24/3/2013, ông V trả 1.000.000 đồng;
- Ngày 22/4/2013, ông V trả 1.000.000 đồng;
- Ngày 27/5/2013, ông V trả 1.000.000 đồng;
- Ngày 19/6/2013, ông V trả 1.000.000 đồng.

Sau đó, ông V không trả nữa. Đến năm 2015, ông V có hứa sẽ tiếp tục trả nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Do đó, bà khởi kiện, yêu cầu buộc ông Lê Hoàng V trả cho bà số tiền còn nợ là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng). Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bản phô tô Giấy cam kết trả nợ ngày 19/02/2013 đã được bà nộp cho Tòa án là được bà phô tô từ bản chính. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, bà chỉ còn giữ các bản phô tô này, không còn giữ bản chính.

Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho ông Lê Hoàng V nhưng ông V không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật*: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bà C thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Xét Đơn khởi kiện, bản phô tô Giấy cam kết trả nợ 19/02/2013, cũng như lời trình bày của nguyên đơn xác nhận cho bị đơn vay tiền, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Địa chỉ bị đơn tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Do ông Lê Hoàng V vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu buộc ông Lê Hoàng V trả cho bà số tiền còn nợ là 64.000.000 đồng:

Xét, do Giấy cam kết trả nợ đề ngày 19/02/2013 mà bà C giao nộp chỉ là bản phô tô.

Tòa án đã ban hành Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1839/TB-TA ngày 05/12/2025 và số 1839-2/TB-TA ngày 26/01/2026 yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C cung cấp bản chính Giấy cam kết trả nợ ngày 19/02/2013 hoặc các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm. Tuy nhiên, bà C không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án yêu cầu. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2026, cũng như tại phiên tòa bà C xác nhận bản phô tô Giấy cam kết trả nợ ngày 19/02/2013 là được bà phô tô từ bản chính. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, bà chỉ còn giữ các bản phô tô này, không còn giữ bản chính.

Tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.”*

Bà C chỉ cung cấp được bản phô tô giấy cam kết trả nợ, căn cứ theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây không được coi là chứng cứ.

Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*

Do bà C không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C không được Tòa án chấp nhận nên bà C chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C thuộc trường hợp được miễn án phí.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 95, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C về việc: Buộc ông Lê Hoàng V trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kim C thuộc trường hợp được miễn án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 – TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương